

Số: /QĐ-BHĐVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thực hiện**

### CỤC TRƯỞNG CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thực hiện.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng các phòng: Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Chính sách và Pháp chế, Kế hoạch - Tài chính, Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo, Quản lý khai thác biển và hải đảo, Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ trưởng Lê Minh Ngân (để b/c);
- Các Vụ thuộc Bộ: KHCN, TCCB, KHTC;
- Các Phó Cục trưởng;
- Trang thông tin điện tử BHDVN;
- Lưu: VT, KHQT, LH (16).

Nguyễn Đức Toàn

## **QUY CHẾ**

**Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị trực thuộc  
Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thực hiện**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BHĐVN ngày tháng năm 2023 của  
Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam)

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ**

1. Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ giao trực tiếp, cấp cơ sở do các đơn vị trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thực hiện.
2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ giao trực tiếp, cấp cơ sở do các đơn vị trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thực hiện.
3. Giải thích từ ngữ thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

##### **Điều 2. Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đăng ký tuyển chọn hoặc giao trực tiếp chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ và điều kiện triển khai phải đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Điều 4, Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.
2. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra giám sát các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp như sau:
  - a) Tổng hợp danh mục, tổ chức họp về danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Bộ phê duyệt; tổ chức xét duyệt thuyết minh, thẩm định nội dung, dự toán kinh phí; trình Lãnh đạo Cục phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thuyết minh và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện, nghiệm thu, đánh giá kết quả; đôn đốc đăng ký kết quả; lưu giữ, công bố, chuyên giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu đối với nhiệm vụ cấp bộ theo hình thức giao trực tiếp và nhiệm vụ cấp cơ sở.
  - b) Tổng hợp báo cáo sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo phương thức

giao trực tiếp, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

c) Tổ chức tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu, đặc biệt là các kết quả nghiên cứu từ các đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả ứng dụng theo quy định.

d) Đơn đốc và tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu của Bộ và Cục.

3. Các phòng chức năng trực thuộc Cục phối hợp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được phê duyệt.

4. Hoạt động quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được lấy từ nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

5. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

6. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều 7 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

7. Trách nhiệm, quyền hạn của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam quy định tại Điều 8 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

8. Trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập quy định tại Điều 9 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

9. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì quy định tại Điều 10 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

10. Trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức tiếp nhận kết quả nhiệm vụ quy định tại Điều 12 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ GIAO TRỰC TIẾP**

**Điều 3. Tổ chức xây dựng đề xuất, xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ**

1. Căn cứ để xây dựng đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

2. Đề xuất, họp hội đồng tư vấn và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ vận dụng theo Điều 14, 15, 16 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

**Điều 4. Xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ**

1. Thông báo và hồ sơ tham gia tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 18, Thông tư số

26/2018/TT-BTNMT.

2. Trình tự xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ cấp bộ theo hình thức giao trực tiếp

a) Hồ sơ nhiệm vụ thực hiện theo hình thức giao trực tiếp gửi về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế) đặt hàng thành 02 đợt/năm, trong đó đợt một trước ngày 15 tháng 02, đợt hai trước ngày 15 tháng 8.

b) Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng quy định tại khoản 2, điểm b và điểm c khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

c) Thành lập hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp:

- Sau khi có danh mục nhiệm vụ của Bộ, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ xét duyệt thuyết minh, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm thực hiện hoặc lấy ý kiến chuyên gia cho các nhiệm vụ đề xuất.

- Thành phần Hội đồng xét duyệt có từ 07 đến 09 thành viên do Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế lựa chọn và mời gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Cục; Phó chủ tịch là Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; Ủy viên Hội đồng gồm: Các chuyên gia có chuyên môn phù hợp; đại diện Lãnh đạo Phòng Kế hoạch-Tài chính; đại diện các phòng chức năng khác trực thuộc Cục (nếu có liên quan); đại diện cơ quan dự kiến sử dụng kết quả nghiên cứu; chuyên viên Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế (kiêm thư ký khoa học).

- Những trường hợp không được tham gia; ưu tiên tham gia Hội đồng:

Những trường hợp không được tham gia Hội đồng: Chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ; người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ; vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm; người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

- Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế cử chuyên viên làm thư ký hành chính phục vụ phiên họp Hội đồng.

- Đại biểu mời tham dự họp Hội đồng gồm Đại diện Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ và đại diện các tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Hình thức, phương thức họp hội đồng, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng, trình tự và nội dung làm việc của Hội đồng vận dụng theo Khoản 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều 19 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

## **Điều 5. Trình tự thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Thành lập và trách nhiệm của Tổ thẩm định nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) vận dụng khoản 1 Điều 20 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

2. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định vận dụng khoản 2 Điều 20 của Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

3. Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ nhiệm vụ, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế ký giấy mời gửi đến các thành viên Tổ thẩm định. Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ và mẫu văn bản vận dụng khoản 3 Điều 20 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

4. Yêu cầu và phiên họp Tổ thẩm định vận dụng theo khoản 4, 5 Điều 20 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

5. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc sau phiên họp của Tổ thẩm định, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ gửi hồ sơ đã chỉnh sửa theo ý kiến của Tổ thẩm định và báo cáo giải trình theo mẫu M32b-BCHTHS Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT đến Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế).

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ nhiệm vụ, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế kiểm tra hồ sơ và có văn bản gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính đề nghị thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ.

7. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc sau khi nhận được hồ sơ, Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm thẩm định, xác định tổng dự toán kinh phí nhiệm vụ trên cơ sở kết quả thẩm định của Tổ thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này, gửi Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế để tổng hợp và yêu cầu hoàn thiện hồ sơ.

8. Trong thời hạn 01 ngày làm việc sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế rà soát, tổng hợp yêu cầu hoàn thiện gửi tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ để chỉnh sửa trong không quá 02 ngày làm việc.

## **Điều 6. Phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế rà soát hồ sơ theo biên bản Tổ thẩm định và yêu cầu hoàn thiện (nếu cần), Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục ký công văn xin ý kiến đơn vị dự kiến tiếp nhận kết quả sản phẩm nhiệm vụ.

b) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, đơn vị dự kiến tiếp nhận kết quả sản phẩm có trách nhiệm trả lời ý kiến theo yêu cầu và có xác nhận khả năng ứng dụng kết quả theo mẫu M37-KNUĐKQ Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

c) Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế tổng hợp các văn bản gồm Biên bản Tổ thẩm định nội dung; ý kiến của Phòng Kế hoạch - Tài chính về việc thẩm định dự toán kinh phí nhiệm vụ; hồ sơ nhiệm vụ và các văn bản có liên quan trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam ký phê duyệt thuyết minh (theo xác thực chữ ký số) nhiệm vụ khoa học và công nghệ và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức giao trực tiếp theo mẫu M38-HĐNVKH Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT (theo xác thực chữ ký số).

2. Trong vòng 05 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế gửi báo cáo Bộ (qua trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học và Công nghệ) về việc phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng nêu trên kèm Hồ sơ từng nhiệm vụ (gồm quyết định phê duyệt, thuyết minh và dự toán kinh phí, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ).

3. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế gửi thuyết minh và hợp đồng đến Phòng Kế hoạch - Tài chính để phối hợp đơn vị nhận chuyên giao kết quả nghiên cứu và các đơn vị liên quan (nếu có).

### **Điều 7. Tổ chức triển khai và kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Yêu cầu đối với tổ chức chủ trì theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

2. Hằng năm, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức Đoàn kiểm tra hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị sử dụng nguồn vốn khoa học và công nghệ do Bộ và Cục cấp. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm: Trưởng đoàn là Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; thư ký và thành viên là chuyên viên Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Kế hoạch - Tài chính và chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp (nếu cần).

3. Hằng năm, vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9, các tổ chức chủ trì và các chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học và Công nghệ) về tình hình thực hiện và tiến độ giải ngân kinh phí, nêu rõ những vướng mắc khó khăn và kiến nghị (nếu có) trong quá trình thực hiện theo mẫu M40-BCĐK tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

4. Nội dung kiểm tra, đánh giá, trình tự kiểm tra, kết quả kiểm tra, xử lý sau khi kết thúc kiểm tra, đánh giá, kinh phí kiểm tra vận dụng theo khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 22 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

### **Điều 8. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Việc thay đổi tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thành viên chính, thành viên và thư ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam quyết định và chỉ được thực hiện khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai chưa quá 1/2 thời gian hoặc kinh phí đã thực hiện thấp hơn 50% kinh phí được phê duyệt. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

#### 2. Thẩm quyền, thủ tục điều chỉnh

a) Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam:

Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam quyết định phương án điều chỉnh đối với từng trường hợp cụ thể: Tên nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, các cán bộ thực hiện (ghi tại mục 11 hoặc 12 trong Thuyết minh), thời gian thực hiện, kinh phí, sản phẩm, phương thức khoán chi, mục tiêu, nội dung nghiên cứu (Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần), hợp tác quốc tế (nếu có). Tùy từng nội dung điều chỉnh, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế có thể xin ý kiến các phòng chức năng khác theo chức năng nhiệm vụ hoặc các cơ quan có liên quan trước khi trình Lãnh đạo. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam quyết định xin ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

Hồ sơ đề nghị điều chỉnh vận dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có văn bản điều chỉnh. Trường hợp không đồng ý điều chỉnh, Cục có công văn trả lời cho Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ nêu rõ lý do không điều chỉnh.

Văn bản điều chỉnh là một bộ phận của Hợp đồng đã ký.

b) Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh Tổ chức chủ trì:

Tổ chức chủ trì được phép tự điều chỉnh đối với các nội dung khác, ngoài quy định tại điểm a khoản này.

Hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của Tổ chức chủ trì và sau khi hoàn thành, Tổ chức chủ trì phải có văn bản báo cáo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam về các nội dung đã điều chỉnh qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.

Trường hợp không nhất trí với việc thay đổi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản báo cáo, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế có ý kiến bằng văn bản gửi Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ, trong đó nêu rõ lý do không đồng ý.

Văn bản cho phép điều chỉnh nhiệm vụ khoa học và công nghệ là bộ phận của Thuyết minh và Hợp đồng.

3. Các trường hợp điều chỉnh vận dụng khoản 3 Điều 23 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

**Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng nhiệm vụ; tự đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chấm dứt Hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ vận dụng theo Điều 24 Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT.

2. Tự đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vận dụng theo Điều 25 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

3. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ vận dụng theo vận dụng theo Điều 26 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

**Điều 10. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ**

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hồ sơ để tiến hành đánh giá, nghiệm thu sau khi đã tự đánh giá, nghiệm thu.

2. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu vận dụng Điều 26 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

3. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, đăng tải thông tin về việc đánh giá, nghiệm thu vận dụng khoản 3 Điều 27 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

**Điều 11. Đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thành phần Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp bộ (sau đây gọi là Hội đồng) có từ 07 đến 09 thành viên.

a) Chủ tịch là Lãnh đạo Cục.

b) Phó Chủ tịch là Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế.



- c) 02 ủy viên phản biện là các chuyên gia có chuyên môn phù hợp.
- d) 01 ủy viên là Lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- đ) 01 ủy viên, thư ký khoa học là chuyên viên Phòng Khoa học và Công nghệ và Hợp tác quốc tế.
- e) 01 ủy viên là đại diện cho tổ chức tiếp nhận kết quả nghiên cứu.
- g) Các ủy viên khác là chuyên gia khoa học và công nghệ có chuyên môn phù hợp.

Thành viên là đại diện cho tổ chức tiếp nhận kết quả nghiên cứu và các chuyên gia do Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế lựa chọn và mời phù hợp với từng nhiệm vụ cụ thể. Các chuyên gia có chuyên môn phù hợp và am hiểu về nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ, trong đó 02 ủy viên phản biện phải là chuyên gia có chuyên môn phù hợp và am hiểu về nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

Hội đồng có thể có 01 thành viên là người thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng thành viên này không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học.

Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định nêu trên.

3. Tổ chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá kết quả nhiệm vụ vận dụng khoản 3 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

#### 4. Phiên họp của Hội đồng

a) Hình thức họp Hội đồng: Hội đồng có thể họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến trên nền tảng công nghệ số. Mỗi thành viên Hội đồng được cung cấp 01 tài khoản đăng nhập cố định trong phần mềm quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam. Tài khoản này được công nhận về mặt pháp lý khi tham gia hoạt động khoa học và công nghệ của Cục. Tài khoản đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin theo quy định hiện hành. Cá nhân được cấp tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng nhập khi sử dụng.

b) Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu vận dụng điểm b khoản 4 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

c) Phiên họp Hội đồng vận dụng theo điểm c khoản 4 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

d) Thành phần tham dự các phiên họp của Hội đồng gồm: Thành viên Hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan quản lý trực tiếp tổ chức chủ trì, đại diện Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, đại diện các đơn vị có liên quan, các thành viên khác do Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế mời trong trường hợp cần thiết.

e) Trình tự làm việc của Hội đồng vận dụng theo điểm e khoản 4 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

5. Yêu cầu đánh giá của Hội đồng vận dụng theo khoản 5 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

6. Nội dung đánh giá và yêu cầu đối với sản phẩm vận dụng theo khoản 6 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

7. Yêu cầu đối với sản phẩm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

8. Đánh giá và xếp loại thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

## **Điều 12. Xử lý kết quả nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Trường hợp kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên.

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ thời điểm họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu cấp bộ, chủ nhiệm nhiệm vụ lập báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo mẫu M55-BCHTHS tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT, hoàn thiện báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm, các tài liệu liên quan (ký số) và nộp về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế).

b) Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chủ trì giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu. Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm theo mẫu M55-BCHTHS tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

2. Trường hợp kết quả đánh giá nhiệm vụ xếp loại ở mức “Không đạt”.

a) Nếu chưa được gia hạn trong quá trình đánh giá cấp cơ sở thì có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 06 tháng.

b) Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có kiến nghị gia hạn; tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải có văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá, nghiệm thu cấp bộ và phương án xử lý) trình Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị gia hạn thời gian thực hiện của tổ chức chủ trì, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

d) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo quy định tại Điều này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp đánh giá, nghiệm thu lại lần 02 mà nhiệm vụ vẫn “Không đạt” thì sẽ đình chỉ thực hiện và chấm dứt hợp đồng theo quy định của Điều 24 Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT, đồng thời Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chủ trì giám sát việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm theo mẫu M55-BCHTHS tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

nghệ và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

đ) Chi phí cho việc hoàn thiện các nội dung đã được phê duyệt và ký hợp đồng; chi phí đánh giá, nghiệm thu lại lần thứ 02 sẽ do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm.

3. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp bộ để xem xét xử lý theo quy định.

4. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ tiến hành các thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ để bảo hộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

### **Điều 13. Đăng ký, lưu giữ, công bố, chuyển giao sản phẩm và ứng dụng kết quả nghiên cứu**

#### 1. Đăng ký, lưu giữ, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc sau khi Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đăng ký, lưu giữ và chuyển giao kết quả nhiệm vụ tại:

a) Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia: theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đơn vị ứng dụng các kết quả nhiệm vụ: theo thuyết minh được phê duyệt. Hồ sơ giao nộp gồm: 01 bản giấy Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo đóng bìa cứng, gáy vuông; 01 bản điện tử Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử Phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có); 01 bản điện tử các Báo cáo nội dung nghiên cứu và sản phẩm khoa học và công nghệ chính theo thuyết minh.

Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (PDF) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001). Bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu. Việc chuyển giao sản phẩm này được lập thành Biên bản chuyển giao theo mẫu M57-BBBGSP tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

c) Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường: Hồ sơ giao nộp được tiếp nhận trực tuyến tại Trang thông tin điện tử của Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường bao gồm: Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN) (định dạng pdf sử dụng chữ ký số hoặc bản scan màu

định dạng pdf); các sản phẩm theo quy định của điểm b khoản này.

d) Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế: Hồ sơ giao nộp được tiếp nhận trực tuyến bao gồm 01 bản scan màu (định dạng PDF), Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp; 01 bản điện tử Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ do Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường cấp; 01 bản điện tử Biên bản chuyển giao kết quả nghiên cứu cho đơn vị ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ theo thuyết minh được phê duyệt theo mẫu M57-BBBGSP tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT; các sản phẩm theo quy định của điểm b khoản này.

2. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị Vụ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ công bố kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

### 3. Ứng dụng kết quả nghiên cứu

a) Trong ít nhất 05 năm liên tục (từ ngày được bàn giao sản phẩm), hằng năm thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ báo cáo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức tiếp nhận kết quả nghiên cứu có trách nhiệm báo cáo Bộ về việc ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ theo mẫu M58-BCUDKQ tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT qua trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học và Công nghệ.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ cần có đơn đề nghị giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo mẫu M59-ĐXGQ tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT gửi Cục Biển và Hải đảo Việt Nam để được xem xét chuyển giao kết quả nghiên cứu và xem xét hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng.

d) Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao, đánh giá việc ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu được lấy từ kinh phí quản lý khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường giao cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

### **Điều 14. Công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản**

1. Việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ được áp dụng đối với các trường hợp được đánh giá mức “Đạt” trở lên.

#### 2. Hồ sơ công nhận kết quả

a) Biên bản Hội đồng đánh giá, nghiệm thu.

b) Các tài liệu được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Quy chế này.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu M61-QĐCNKQ tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT.

3. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản

a) Khi kết thúc nhiệm vụ cấp cơ sở, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

b) Sau khi có quyết định công nhận kết quả, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện đánh giá, kiểm kê, bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có). Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành.

c) Trong thời gian 10 ngày sau khi tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thành các thủ tục có liên quan, Lãnh đạo Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam ký thanh lý hợp đồng và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Vụ Khoa học và Công nghệ).

### **Chương III**

#### **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

##### **Điều 15. Cơ sở đề xuất**

1. Yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, hoạt động nghiên cứu, điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát về tài nguyên và môi trường theo chức năng nhiệm vụ của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

2. Kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

3. Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tài nguyên và Môi trường giao Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì xây dựng.

4. Các vấn đề khoa học cần nghiên cứu tạo tiền đề để đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ hoặc phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

##### **Điều 16. Trình tự đề xuất**

1. Hằng năm, theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Phòng

Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế thông báo, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thuộc đơn vị đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trình Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam xem xét, lựa chọn đề xuất nhiệm vụ thông qua Hội đồng tư vấn hoặc xin ý kiến chuyên gia và hoàn thiện hồ sơ, gửi về Bộ qua trang thông tin điện tử của Vụ Khoa học và Công nghệ.

Hồ sơ gồm: Công văn đề xuất; danh mục nhiệm vụ sắp xếp theo thứ tự ưu tiên; phiếu đề xuất của từng nhiệm vụ; biên bản họp Hội đồng hoặc ý kiến chuyên gia. Kết quả tra cứu thông tin của các đề tài, dự án đã và đang thực hiện sử dụng ngân sách nhà nước có liên quan.

### **Điều 17. Trình tự xét duyệt giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ**

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ cấp cơ sở, Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân trực thuộc xây dựng thuyết minh nhiệm vụ.

2. Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thành lập Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá nội dung các thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở vận dụng theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện thuyết minh và dự toán nhiệm vụ cấp cơ sở theo biên bản kết luận của Hội đồng, lập báo cáo tổng hợp hoàn thiện thuyết minh, gửi về Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế để tổ chức thẩm định.

### **Điều 18. Thẩm định, phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng**

1. Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức thẩm định nội dung thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Việc thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở vận dụng theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí, ký Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở.

### **Điều 19. Kiểm tra, giám sát thực hiện và điều chỉnh thuyết minh, hợp đồng**

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

2. Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổ chức kiểm tra nội dung, tiến độ và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, định kỳ vào tháng 3 và tháng 9 hằng năm.

3. Việc điều chỉnh tiến độ, nội dung và dự toán của nhiệm vụ cấp cơ sở

theo kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường do Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam xem xét, quyết định.

## **Điều 20. Trình tự kết thúc nhiệm vụ**

1. Chậm nhất 30 ngày trước khi hết hạn thời gian thực hiện, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở phải nộp báo cáo tổng hợp và tài liệu kèm theo cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế) để tổ chức nghiệm thu.

2. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được tiến hành thông qua Hội đồng do Lãnh đạo Cục Biển và Hải đảo Việt Nam thành lập. Hội đồng có 07 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký khoa học và các ủy viên khác.

3. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng quy định tại khoản 7, Điều 28 Thông tư 26/2018/TT-BNTMT.

### 4. Xử lý kết quả

a) Nhiệm vụ được đánh giá “Đạt” trở lên: Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá của Hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ đánh giá nghiệm thu theo ý kiến Hội đồng theo mẫu M55-BCHTHS tại Thông tư 26/2018/TT-BNTMT gửi Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế; Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế phối hợp với Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ. Chủ tịch Hội đồng và 2 Ủy viên phản biện xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ được đánh giá “Không đạt”: Nếu chưa được gia hạn trong quá trình triển khai, được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 02 tháng. Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện 01 lần theo quy định tại Điều này. Chi phí phát sinh (chi phí hoàn thiện hồ sơ, đánh giá nghiệm thu...) do cá nhân và tổ chức chủ trì nhiệm vụ chịu trách nhiệm chi trả.

c) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam căn cứ vào kết luận của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu để xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

### 5. Đăng ký, lưu giữ, chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thiện việc đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ được xếp loại “Đạt” trở lên, chủ nhiệm nhiệm vụ cấp cơ sở có trách nhiệm đăng ký, lưu giữ, chuyển giao kết quả nhiệm vụ cấp cơ sở.

a) Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 30 Thông tư 26/2018/TT-BTNMT. Ngoài ra, hồ sơ giao nộp còn có biên bản họp hội đồng nghiệm thu theo mẫu M54-BBĐGNT tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT; báo

cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo mẫu M55-BCHTHS tại Thông tư số 26/2018/TT-BTNMT để làm căn cứ xác nhận nhiệm vụ đã được nghiệm thu và được xếp loại “Đạt” trở lên.

b) Gửi hồ sơ kết quả đánh giá nghiệm thu tới Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, tổ chức chủ trì. Hồ sơ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở do Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường cấp; các sản phẩm theo quy định tại điểm c Khoản này.

c) Chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ trong thuyết minh theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 30 Thông tư 26/2018/TT-BTNMT.

d) Hồ sơ nhiệm vụ gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 28 Thông tư 26/2018/TT-BTNMT.

6. Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị Vụ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 30 Thông tư 26/2018/TT-BTNMT.

7. Việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vận dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 30 Thông tư 26/2018/TT-BTNMT.

8. Việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản được áp dụng theo quy định tại Mục 4 Điều 14 của Quy chế này.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong trường hợp các văn bản quy định mà Quy chế này dẫn chiếu áp dụng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (qua Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế)/.